

Bản án số: 108/2025/DS-ST

Ngày: 30/10/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - KHÁNH HOÀ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoài Tâm

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quý Hùng

2. Ông Phạm Hồng Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Trần Xuân Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 22/10/2025 và ngày 30/10/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2025/TLST-DS ngày 16/5/2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2025/QĐXXST-DS ngày 18/9/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2025/QĐXXST-DS ngày 26/9/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 27/2025/QDST-DS ngày 22/10/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: phường S, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q:

1. Ông Phan Thanh T – Cán bộ theo văn bản ủy quyền số 22693525 ngày 04/8/2025. (Vắng mặt)

2. Ông Trần Quốc T – Cán bộ theo văn bản ủy quyền số 22693525 ngày 04/8/2025. (Vắng mặt)

3. Ông Võ Đình H – Cán bộ theo văn bản ủy quyền số 22693525 ngày 04/8/2025. (Có mặt)

*** Bị đơn:**

1. Bà Trần Thị H - sinh năm: 1981

Địa chỉ: thôn T, xã S, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn H - sinh năm: 1973

Địa chỉ: thôn T, xã S, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2024, bản tự khai ngày 10/5/2025 và tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q là ông Võ Đình H trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (V) với bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H đã thỏa thuận ký kết các Hợp đồng tín dụng để vay vốn cụ thể như sau:

- Tại Hợp đồng tín dụng số 3291143.22 ngày 07/11/2022, bà H, ông H vay 2.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh mua bán nông sản (Lúa); Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến 09/11/2023; Lãi suất vay: tại thời điểm giải ngân 12,3%/năm. Lãi suất này được V chủ động điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,2%/năm; Trả nợ gốc: cuối kỳ; Trả nợ lãi: hàng tháng, vào ngày 30. Ngày trả nợ lãi đầu tiên là ngày 30/11/2022. Ngày 09/11/2022, V đã giải ngân cho bà H, ông H với số tiền 2.000.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ (KUNN) số 3291143(1).22.

- Tại Hợp đồng tín dụng số 5188536.22 ngày 11/11/2022, bà H, ông H vay 1.570.000.000 đồng; Mục đích vay: bù đắp vốn tự có mua bất động sản tại thửa đất số 1127, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: thôn Phú Vinh, xã Vĩnh Thạnh, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Thời hạn vay: 240 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến 14/11/2042; Lãi suất vay: tại thời điểm giải ngân: 15,9%/năm. Lãi suất này được V chủ động điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,9%/năm; Trả nợ gốc: cuối kỳ; Trả nợ lãi: thời gian ân hạn: không, sau thời gian ân hạn: 06 tháng/lần, vào ngày 20; kỳ trả đầu tiên ngày 20/05/2023; số tiền 39.250.000 đồng, số tiền còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày 14/11/2022, V đã giải ngân cho bà H, ông H với số tiền 1.570.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ (KUNN) số 5188536(1).22.

- Theo văn bản đề nghị phát hành thẻ ngày 09/11/2022, V đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà H chi tiết như sau: Hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng; Lãi suất, phí: theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H, ông H đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, thỏa thuận đã ký, khoản vay đã quá hạn từ ngày 09/11/2023, hiện khoản vay đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ có khả năng mất vốn theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tạm tính đến ngày 30/10/2025, bà H, ông H đã trả cho V số tiền tổng cộng là 528.724.353 đồng (trong đó tiền gốc: 39.250.000 đồng và tiền lãi: 489.474.353 đồng) và còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền là: 5.256.459.796 đồng, trong đó: nợ gốc 3.726.913.853 đồng, nợ lãi trong hạn: 659.060.171 đồng, nợ lãi quá hạn: 870.485.772 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 513, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại thôn Hòn Dừ, xã Khánh Nam, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DH710101, số vào sổ cấp GCN: CS01710 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/10/2022, cập nhật tặng cho bà Trần Thị H ngày 02/11/2022.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 42 tọa lạc tại thôn Suối Cau, xã Khánh Đông, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DH703867, số vào sổ cấp GCN: CS02329 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 03/10/2022 cho bà Trần Thị H.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q là ông Võ Đình H đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H trả gốc và lãi tính đến ngày 30/10/2025 là 5.256.459.796 đồng. Trong đó: nợ gốc 3.726.913.853 đồng, nợ lãi trong hạn: 659.060.171 đồng, nợ lãi quá hạn: 870.485.772 đồng. Kể từ ngày 31/10/2025, bà H, ông H phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng, thỏa thuận và khế ước đã ký. Trường hợp bà H, ông H không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H không có mặt nên không xác định được ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H không chấp hành nghĩa vụ của mình, đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 280, 318, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP Q 5.256.459.796 đồng, trong đó: nợ gốc 3.726.913.853 đồng, nợ lãi trong hạn: 659.060.171 đồng, nợ lãi quá hạn: 870.485.772 đồng. Sau khi bà H, ông H thanh toán xong nợ gốc và lãi thì Ngân hàng TMCP Q phải trả lại cho bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DH703867, số vào sổ cấp GCN: CS02329 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 03/10/2022 và trả bà Trần Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DH710101, số vào sổ cấp GCN: CS01710 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/10/2022. Trường hợp bà H, ông H không thanh toán được khoản tiền trên cho Ngân hàng TMCP Q thì tài sản thế chấp được xử lý theo các cam kết của hợp đồng thế chấp tài sản mà các bên đã ký hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, bán tài sản đã thế chấp. Bà H, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP Q khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn H phải trả nợ gốc, lãi phát sinh và xử lý tài sản thế chấp, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Khánh Hòa) đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số 3291143.22 ngày 07/11/2022 và Khế ước nhận nợ (KUNN) số 3291143(1).22 ngày 09/11/2022, Ngân hàng TMCP Q đã cho bà H, ông H vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng số 5188536.22 ngày 11/11/2022 và Khế ước nhận nợ (KUNN) số 5188536(1).22 ngày 14/11/2022, Ngân hàng TMCP Q tiếp tục cho bà H, ông H vay số tiền 1.570.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 09/11/2022 Ngân hàng TMCP Q cấp thẻ tín dụng cho bà H theo văn bản đề nghị phát hành thẻ ngày 09/11/2022, hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà H, ông H và Ngân hàng TMCP Q giao kết hợp đồng tín dụng và thỏa thuận phát hành thẻ tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, thỏa thuận mà các bên đã ký kết có giá trị pháp lý.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H, ông H đã không trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho ngân hàng. Số dư nợ tính đến ngày 30/10/2025 bà H, ông H còn nợ của Ngân hàng TMCP Q là 5.256.459.796 đồng, trong đó: nợ gốc 3.726.913.853 đồng, nợ lãi trong hạn: 659.060.171 đồng, nợ lãi quá hạn: 870.485.772 đồng.

Như vậy, bà H, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Các khoản gốc và lãi đều không thanh toán đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, thỏa thuận phát hành thẻ tín dụng và khế ước đã ký kết giữa hai bên. Do đó, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu bà H, ông H thanh toán số tiền nợ bao gồm gốc, lãi phát sinh cũng như số tiền lãi phát sinh từ ngày 31/10/2025 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận giữa hai bên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Về việc xử lý tài sản thế chấp:

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 513, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại thôn Hòn Dù, xã Khánh Nam, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DH710101, sổ vào sổ cấp GCN: CS01710 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/10/2022, cập nhật tặng cho bà Trần Thị H ngày 02/11/2022 và quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 42 tọa lạc tại thôn Suối Cau, xã Khánh Đông, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DH703867, sổ vào sổ cấp GCN: CS02329 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 03/10/2022 cho bà Trần Thị H.

Hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên có công chứng, tài sản thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị pháp lý để thi hành. Do vậy, trường hợp bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H không thanh toán được khoản tiền nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì tài sản thế chấp được xử lý theo các cam kết của hợp đồng thế chấp tài sản mà các bên đã ký hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, bán tài sản đã thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299, Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Án phí bị đơn phải chịu tương ứng với số tiền 5.256.459.796 đồng, cụ thể như sau: 112.000.000 đồng + $(1.256.459.795 \times 0,1\%) = 113.256.454$ đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 295, Điều 299, Điều 323, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 5.256.459.795 đồng, trong đó: nợ gốc 3.726.913.853 đồng, nợ lãi trong hạn: 659.060.171 đồng, nợ lãi quá hạn: 870.485.772 đồng.

Đồng thời bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 31/10/2025 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 3291143.22 ngày 07/11/2022, Khế ước nhận nợ (KUNN) số 3291143(1).22 ngày 09/11/2022, Hợp đồng tín dụng số 5188536.22 ngày 11/11/2022, Khế ước nhận nợ (KUNN) số 5188536(1).22 ngày 14/11/2022 và văn bản đề nghị phát hành thẻ ngày 09/11/2022.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

- Trường hợp bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn H thanh toán xong các khoản tiền nợ gốc và lãi thì Ngân hàng TMCP Q phải trả lại cho bà H, ông H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DH703867, sổ vào sổ cấp GCN: CS02329 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 03/10/2022 và trả cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DH710101, sổ vào sổ cấp GCN: CS01710 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/10/2022.

- Trường hợp bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn H không thanh toán được khoản tiền trên cho Ngân hàng TMCP Q thì tài sản thế chấp sau đây được xử lý theo các cam kết của hợp đồng thế chấp tài sản mà các bên đã ký hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, bán tài sản đã thế chấp:

+ Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 513, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại thôn Hòn Dù, xã Khánh Nam, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DH710101, số vào sổ cấp GCN: CS01710 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/10/2022, cập nhật tặng cho bà Trần Thị H ngày 02/11/2022.

+ Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 42 tọa lạc tại thôn Suối Cau, xã Khánh Đông, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DH703867, số vào sổ cấp GCN: CS02329 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 03/10/2022 cho bà Trần Thị H.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP Q 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán chi phí tố tụng trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H phải chịu 113.256.454 đồng (*Một trăm mười ba triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí 56.282.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008465 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm (Nay thuộc Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

Quy định chung: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có mặt tại phiên tòa khi tuyên án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 2 - tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Hoài Tâm